

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17-4-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia nợ chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Duy Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 177/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị L; ĐKKHKT: Xóm 5, AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 4, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Phạm Trọng T; nơi cư trú: Xóm 5, AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba

Đình, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Nga – Giám đốc Phòng Giao dịch An Cầu Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vĩnh Bảo Đông Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo chị Phạm Thị L trình bày:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị L và anh Phạm Trọng T kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 25-9-2004. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xô xát, không tôn trọng nhau. Gia đình hai bên đã khuyên giải và bản thân chị L đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Hiện vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án cho chị L được ly hôn với anh Phạm Trọng T.

2. Về con chung: Chị L và anh Phạm Trọng T có 03 con chung là Phạm Trọng A, sinh ngày 14-8-2006, Phạm Thị Tuyết L1, sinh ngày 27-01-2010 và Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 08-11-2014. Khi ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị Thảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Trọng A và Phạm Thị Tuyết L1 cho anh Phạm Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ngày 16-12-2021, vợ chồng chị L, anh T và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107LAV202101954, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng chị L, anh T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng vay tiền: Thanh toán chi phí mua keo, vật tư ngành may gia công mũ giày; thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày 16-12-2021; lãi suất: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; lãi chậm trả 10%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08122021TL/HĐTC ngày 14 tháng 12 năm 2021, số công chứng 7462.NK/21.TCTS, quyền số: 09. TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng

công chứng Nguyễn Thị Khuê giữa vợ chồng tôi (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là bà Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001”. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Vợ chồng chị L, anh T đã nhận được số tiền giải ngân của ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị L, anh T chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, chị L và anh T sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2107LAV202101954 ký ngày 16-12-2021. Trường hợp chúng chị L, anh T không thanh toán được, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

5. Về án phí: Chị L xin nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời khai của anh Phạm Trọng T thống nhất với chị Phạm Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L và anh T tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 2 năm 2023 chị L tự ý bỏ đi. Nay chị L có đơn ly hôn với anh, anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; về con chung anh T và chị L có 03 con chung về họ tên, tuổi như chị L trình bày. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao cả 03 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh T và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; về công nợ anh T thống nhất với chị L về việc vợ chồng có vay nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam như chị L trình bày, nay Ngân hàng yêu cầu anh T, chị L trả nợ gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi, anh T đề nghị ngân hàng miễn lãi cho anh T, chị L; về các vấn đề khác anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Nga trình bày, thống nhất với chị L, anh T về việc: Ngày 16-12-2021, vợ chồng chị L, anh T và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107LAV202101954, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng chị L, anh T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng vay tiền:

Thanh toán chi phí mua keo, vật tư ngành may gia công mũ giày; thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày 16-12-2021; lãi suất: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; lãi chậm trả 10%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08122021TL/HĐTC ngày 14 tháng 12 năm 2021, số công chứng 7462.NK/21.TCTS, quyền số: 09. TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Khuê giữa vợ chồng tôi (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là bà Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001”. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Vợ chồng chị L, anh T đã nhận được số tiền giải ngân của ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh T, chị L đã không thanh toán nợ đúng hạn, vi phạm Hợp đồng tín dụng. Nay để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án: Buộc vợ chồng anh T, chị L phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2107LAV202101954 ký ngày 16-12-2021 tạm tính đến ngày xét xử (ngày 17-4-2024), cụ thể như sau: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; nợ lãi: 72.000.000 đồng; tổng cộng: 1.072.000.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu đồng). Trường hợp vợ chồng anh T, chị L không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là bà Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001” theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08122021TL/HĐTC ngày 14 tháng 12 năm 2021, số công chứng 7462.NK/21.TCTS, quyền số: 09. TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công

chứng Nguyễn Thị Khuê. Trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì vợ chồng anh T, chị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Phạm Thị L có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, anh Phạm Trọng T là bị đơn trong vụ án, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giải quyết chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Trọng T; về con chung: Giao cháu Phạm Trọng A, sinh ngày 14-8-2006 và cháu Phạm Thị Tuyết L1, sinh ngày 27-01-2010 cho anh Phạm Trọng T nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 08-11-2014 cho chị Phạm Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; về nợ chung: Buộc chị L, anh T phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc và lãi (tính đến ngày 17-4-2024) là 1.072.000.000 đồng. Trường hợp chị L, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản phát mại thế chấp là diện tích đất 316 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 527 tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Xóm 5, AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K497656 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “ Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T, bà Phạm Thị L”; về án phí: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, chị L anh T phải nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị L, bị đơn anh Phạm Trọng T, người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Nga: Chị L, anh T, chị Nga vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, chị L, chị Nga vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T, chị Nga.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị L:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Trọng T kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 25-9-2004, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 02-2023, không ai quan tâm đến ai. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L đề nghị được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Trọng T có 03 con chung Phạm Trọng A, sinh ngày 14-8-2006, Phạm Thị Tuyết L1, sinh ngày 27-01-2010 và Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 08-11-2014. Hiện 02 cháu Phạm Trọng A và Phạm Thị Tuyết L1 đã trên 07 tuổi, đang ở với anh T, có đề nghị được ở với anh T; cháu Phạm Thị Thảo N đang ở với chị L; chị L và anh T đều có chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo được điều kiện nuôi con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L về việc giao cháu Phạm Trọng A và Phạm Thị Tuyết L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị Thảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về công nợ: Trên cơ sở lời khai của đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng: Ngày 16-12-2021, vợ chồng chị L, anh T và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107LAV202101954, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng chị L, anh T vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng vay tiền: Thanh toán chi phí mua keo, vật tư ngành may gia công mũ giày; thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày 16-12-2021; lãi suất: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; lãi chậm trả 10%/năm. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08122021TL/HĐTC ngày 14 tháng 12 năm 2021, số công chứng 7462.NK/21.TCTS, quyển số: 09. TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Khuê giữa vợ chồng tôi (Bên thế chấp) và Ngân hàng (Bên nhận thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là bà Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001”. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Vợ chồng chị L, anh T đã nhận được số tiền giải ngân của ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng. Trong quá trình trả nợ vay, vợ chồng anh T, chị L đã không thanh toán nợ đúng hạn, vi phạm Hợp đồng cho vay. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Theo thỏa thuận của Ngân hàng và anh T, chị L thì ngày 30 hàng tháng anh T, chị L phải trả lãi phát sinh cho phía Ngân hàng. Nhưng anh T, chị L đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận, từ ngày 30-3-2023 không trả nợ cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T, chị L trả nợ, nhưng không được thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của anh T, chị L. Vì vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng đối với anh Phạm Trọng T, chị Phạm Thị L với số tiền gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên nay chị L, anh T ly hôn cần phân chia chị L, anh T mỗi người phải trả ½ số nợ này.

[7.1] Về lãi suất: Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng có nội dung: “1. *Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai*

mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngày 16 tháng 12 năm 2021, giữa Ngân hàng và anh Phạm Trọng T, chị Phạm Thị L và lãi suất này tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2024, nợ lãi trong hạn là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng). Tuy nhiên nay chị L, anh T ly hôn cần phân chia chị L, anh T mỗi người phải trả  $\frac{1}{2}$  số nợ này.

[7.2] Về yêu cầu đối với tài sản thế chấp của Ngân hàng: Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là bà Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001”. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 298, 317, 318, 319, 398 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai. Theo Điều 299 của Bộ luật Dân sự các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm như sau: “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Nên yêu cầu đề nghị phát mại tài sản thế chấp đối với diện tích đất mang tên người sử dụng là anh Phạm Trọng T, chị Phạm Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tài sản trên đất có nhà cửa vật kiến trúc của vợ chồng anh Phạm Trọng T, chị Phạm Thị L theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định gồm 01 nhà xây mái bằng, nền lát gạch, diện tích sử dụng 02 tầng bằng 160m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà bếp diện tích 33m<sup>2</sup>, nhà xưởng xây tường gạch, mái tôn diện tích 80m<sup>2</sup>, cổng inox, 02 cây bưởi đường kính gốc 7cm. Điều 9 của hợp đồng thế chấp thì tài sản là căn nhà, công trình phụ, nhà xưởng, tài sản gắn liền với đất của vợ chồng anh Phạm Trọng T, chị Phạm Thị L xây dựng thêm cũng thuộc tài sản thế chấp. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc phát mại toàn bộ tài sản theo đề nghị của Ngân hàng.

[8] Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; yêu cầu của Ngân hàng được tòa án chấp nhận nên chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và trả lại lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị L, anh T phải trả lại phía Ngân hàng chi phí thẩm định tại chỗ đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 55, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại các điều 116, 117, 280 và các điều 351, 357, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Trọng T.

2- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thảo N, sinh ngày 08-11-2014 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Phạm Trọng A, sinh ngày 14-8-2006 và cháu Phạm Thị Tuyết L1, sinh ngày 27-01-2010 cho anh Phạm Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về công nợ: Buộc chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 1.072.000.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi hai triệu đồng), trong đó nợ gốc là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), nợ lãi trong hạn là 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng). Theo phần chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T mỗi người phải trả 536.000.000đ (Năm trăm ba mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng), nợ lãi là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

Trường hợp chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng 316m<sup>2</sup> đất thuộc thửa

đất số 527, 527, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn AD, xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 497656, vào sổ số 944QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 02-4-1998 đứng tên ông Phạm Trọng C, được đính chính tại trang 4: “Ngày 31-10-2019 tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Phạm Trọng T CCCD số 031072004066, vợ là chị Phạm Thị L CCCD số 031183007699 địa chỉ tại xã TL, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; theo hồ sơ số 01986.TA.001” và toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây mái bằng, nền lát gạch, diện tích sử dụng 02 tầng bằng 160m<sup>2</sup>, công trình phụ nhà bếp diện tích 33m<sup>2</sup>, nhà xưởng xây tường gạch, mái tôn diện tích 80m<sup>2</sup>, cổng inox, 02 cây bưởi đường kính gốc 7cm.

Trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản vay. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đã trả đủ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì số tiền thừa ra được trả lại cho chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T.

4- Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006720 ngày 13 tháng 10 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 44.160.000đ (Bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), theo phần mỗi người phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 22.080.000đ (Hai mươi hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.600.000đ (Hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng), theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006764, ngày 01-12-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

Về chi phí tố tụng: Chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T phải liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi phí thẩm định tài sản đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), theo phần mỗi người phải trả 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

5- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phạm Thị L, anh Phạm Trọng T, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- Ủy ban nhân dân xã Trung Lập;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Duy Việt**